

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
VIỆT TÍN**

MỤC LỤC

----- oOo -----

| | Trang |
|--|---------|
| 1. BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH | 01 - 02 |
| 2. BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ | 03 - 04 |
| 3. BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT | 05 - 17 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Ban Điều hành trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/6/2022.

1. Thông tin chung về công ty

Thành lập

Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tín (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102114655 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 07 tháng 12 năm 2006 và thay đổi lần thứ nhất ngày 24 tháng 05 năm 2022; Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 24/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 11 tháng 12 năm 2006.

Vốn điều lệ theo giấy phép thành lập: 138.000.000.000 VND.

Tên tiếng anh: VIET TIN SECURITIES STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: VTSS.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần.

Hoạt động chính của Công ty

Môi giới chứng khoán; Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

Trụ sở chính: Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

2. Tình hình tỷ lệ an toàn tài chính

Tình hình tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty được trình bày trong báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành và Kế toán trưởng

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành và Kế toán trưởng trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm có:

Hội đồng Quản trị

| | |
|---------------------------|--------------|
| Ông Ronald Nguyễn Anh Đạt | Chủ tịch |
| Bà Hoàng Ngân Hà | Phó Chủ tịch |
| Ông NG WENG SENG | Ủy viên |

Ban Kiểm soát

| | |
|---------------------|------------|
| Bà Nguyễn Thu Hương | Trưởng ban |
|---------------------|------------|

Ban Điều hành và Kế toán trưởng

| | |
|-------------------|----------------|
| Ông Lê Quang Tiến | Tổng Giám đốc |
| Bà Phan Việt Hà | Kế toán trưởng |

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo như sau:

| | |
|---------------------------|----------|
| Ông Ronald Nguyễn Anh Đạt | Chủ tịch |
|---------------------------|----------|

4. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore Aisc (MOORE AISC) được chỉ định là kiểm toán viên cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

5. Cam kết của Ban Điều hành

Ban Điều hành chịu trách nhiệm lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022. Trong việc soạn lập Báo cáo này, Ban Điều hành đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

- Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 được lập căn cứ trên số liệu các báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 và được lập phù hợp với các quy định tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính phù hợp với quy định của Bộ Tài Chính. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

6. Xác nhận

Theo ý kiến của Ban Điều hành, chúng tôi xác nhận rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tỷ lệ an toàn tài chính của công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022.

Thay mặt Ban Điều hành



Ronald Nguyễn Anh Đạt

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 12 tháng 08 năm 2022



Số: B0622319SXR/AISC-DN3

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

KÍNH GỬI QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2022 kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tín được lập ngày 12 tháng 08 năm 2022, từ trang 05 đến trang 17, đã được Ban Điều hành của Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tín lập theo các quy định về lập và trình bày báo cáo tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty theo các quy định pháp lý về lập và trình bày báo cáo tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính giữa niên độ đã được lập trên các khía cạnh trọng yếu không tuân thủ theo quy định về lập và trình bày báo cáo tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp)

Cơ sở lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và giới hạn sử dụng báo cáo

Không phù nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi lưu ý người đọc rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này được lập để giúp Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tín đáp ứng các yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước. Vì thế, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này có thể không phù hợp để sử dụng cho mục đích khác.

Vấn đề khác

Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tín đã lập một bộ Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến 30/06/2022 theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chúng tôi đã phát hành báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính đó cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tín vào ngày 12 tháng 08 năm 2022.



.....
Phạm Văn Vinh

Tổng Giám đốc

Số GCNĐKHNKT: 0112-2018-005-1

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

Thay mặt và đại diện

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin Học MOORE AISC

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 08 năm 2022

BÁO CÁO

Tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm: 30/06/2022

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Chúng tôi cam đoan rằng:

- (1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo theo đúng quy định tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính;
- (2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- (3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

Phan Việt Hà
Kế toán trưởng

Nguyễn Thu Hương
Trưởng bộ phận Kiểm soát nội bộ



Ronald Nguyễn Anh Đạt
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

| Stt | Nội dung | Vốn khả dụng | | |
|-----------|---|------------------------|----------------|------------------------|
| | | Vốn khả dụng | Khoản giảm trừ | Khoản tăng thêm |
| | | (1) | (2) | (3) |
| A | Vốn chủ sở hữu | 119.931.193.193 | - | 750.000 |
| 1 | Vốn góp của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có) | 138.000.000.000 | | |
| 2 | Thặng dư vốn cổ phần không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có) | - | | |
| 3 | Cổ phiếu quỹ | - | | |
| 4 | Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu – Cấu phần vốn | - | | |
| 5 | Vốn khác của chủ sở hữu | - | | |
| 6 | Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý | - | | |
| 7 | Quỹ dự trữ bổ sung vốn Điều lệ | - | | |
| 8 | Quỹ Dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ | - | | |
| 9 | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | - | | |
| 10 | Lợi nhuận chưa phân phối | (42.467.169.581) | | |
| 11 | Số dư dự phòng suy giảm giá trị tài sản | 24.398.362.774 | | |
| 12 | Chênh lệch đánh giá lại tài sản cố định | - | | |
| 13 | Chênh lệch tỷ giá hối đoái | - | | |
| 14 | Các khoản nợ có thể chuyển đổi | - | | |
| 15 | Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính | - | | 750.000 |
| 16 | Vốn khác (nếu có) | - | | |
| 1A | Tổng | | | 119.931.943.193 |
| B | Tài sản ngắn hạn | | | |
| <i>I</i> | <i>Tài sản tài chính</i> | | - | |
| 1 | Tiền và các khoản tương đương tiền | | | |
| 2 | Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) | | | |
| | - Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường | | | |
| | - Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng | | | |
| 3 | Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) | | - | |
| | - Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường | | | |
| | - Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng | | | |
| 4 | Các khoản cho vay | | | |

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

| Stt | Nội dung | Vốn khả dụng | | |
|-----|---|--------------|----------------|-----------------|
| | | Vốn khả dụng | Khoản giảm trừ | Khoản tăng thêm |
| | | (1) | (2) | (3) |
| 5 | Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) | | | |
| | - Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường | | | |
| | - Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng | | | |
| 6 | Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp | | | |
| 7 | Các khoản phải thu (Phải thu bán các tài sản tài chính; Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính) | | | |
| | - Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống | | | |
| | - Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày | | | |
| 8 | Chứng quyền có bảo đảm chưa phát hành hết | | | |
| 9 | Chứng khoán cơ sở phục vụ mục đích phòng ngừa rủi ro khi phát hành chứng quyền có bảo đảm | | | |
| 10 | Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp | | | |
| | - Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống | | | |
| | - Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày | | | |
| 11 | Phải thu nội bộ | | | |
| | - Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống | | | |
| | - Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày | | | |
| 12 | Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán | | | |
| | - Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống | | | |
| | - Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày | | | |
| 13 | Các khoản phải thu khác | | | |
| | - Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống | | | |
| | - Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày | | 15.128.152.884 | |
| 14 | Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu | | | |
| 15 | Trả trước cho người bán | | 22.658.385.174 | |

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

| Stt | Nội dung | Vốn khả dụng | | |
|------------|--|--------------|-------------------|-----------------------|
| | | Vốn khả dụng | Khoản giảm trừ | Khoản tăng thêm |
| | | (1) | (2) | (3) |
| II | Tài sản ngắn hạn khác | | - | |
| | Tạm ứng | | | |
| 1 | - Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống | | - | |
| | - Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày | | 303.002 | |
| 2 | Vật tư văn phòng, công cụ dụng cụ | | - | |
| 3 | Chi phí trả trước ngắn hạn | | 251.666.659 | |
| 4 | Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn | | - | |
| 5 | Thuế GTGT được khấu trừ | | - | |
| 6 | Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | | 48.491.693 | |
| 7 | Tài sản ngắn hạn khác | | - | |
| 8 | Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác | | - | |
| 1B | Tổng | | | 38.086.999.412 |
| C | Tài sản dài hạn | | | |
| I | Tài sản tài chính dài hạn | | | |
| 1 | Các khoản phải thu dài hạn | | - | |
| 2 | Các khoản đầu tư | | - | |
| | Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | | - | |
| 2.1 | - Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường | | - | |
| | - Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng | | - | |
| 2.2 | Đầu tư vào công ty con | | - | |
| 2.3 | Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | | - | |
| 2.4 | Đầu tư dài hạn khác | | - | |
| II | Tài sản cố định | | 62.834.719 | |
| III | Bất động sản đầu tư | | - | |
| IV | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | | - | |
| V | Tài sản dài hạn khác | | | |
| 1 | Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn | | 2.000.000 | |
| 2 | Chi phí trả trước dài hạn | | 29.000.000.000 | |
| 3 | Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | | - | |
| 4 | Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán | | 1.512.192.373 | |
| 5 | Tài sản dài hạn khác | | - | |
| VI | Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn | | | |
| | Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ, có ý kiến trái ngược hoặc từ chối đưa ra ý kiến tại báo cáo tài chính đã được kiểm toán, soát xét mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5 | | - | |
| 1C | Tổng | | | 30.577.027.092 |

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

| Stt | Nội dung | Vốn khả dụng | | |
|-----------------------------------|--|--------------|----------------|-----------------------|
| | | Vốn khả dụng | Khoản giảm trừ | Khoản tăng thêm |
| | | (1) | (2) | (3) |
| D | Các khoản ký quỹ, đảm bảo | | | |
| 1 | Giá trị ký quỹ | | | |
| 1.1 | Giá trị đóng góp vào quỹ hỗ trợ thanh toán của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam | | - | |
| 1.2 | Giá trị đóng góp vào quỹ bù trừ của đối tác thanh toán trung tâm đối với vị thế mở của chính thành viên bù trừ | | - | |
| 1.3 | Khoản ký quỹ bằng tiền và giá trị bảo lãnh thanh toán của ngân hàng khi phát hành chứng quyền có bảo đảm | | - | |
| 2 | Giá trị tài sản bảo đảm cho các nghĩa vụ phải trả có thời hạn còn lại trên 90 ngày | | - | |
| 1D | Tổng | | | - |
| VỐN KHẢ DỤNG = 1A-1B-1C-1D | | | | 51.267.916.689 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

| A. RỦI RO THỊ TRƯỜNG | | | | |
|--|---|---------------------|-----------------------|-----------------|
| Các hạng mục đầu tư | | Hệ số rủi ro (%) | Quy mô rủi ro | Giá trị rủi ro |
| | | (1) | (2) | (3) = (1) x (2) |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ | | | 36.827.491.977 | - |
| 1 | Tiền mặt (VND) | 0 | 36.827.491.977 | - |
| 2 | Các khoản tương đương tiền | 0 | - | - |
| 3 | Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng chỉ tiền gửi | 0 | - | - |
| II. Trái phiếu Chính phủ | | | - | - |
| 4 | Trái phiếu Chính phủ không trả lãi | 0 | - | - |
| 5 | Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cố định: | | | |
| 5.1 | Trái phiếu Chính phủ (bao gồm công trái và trái phiếu công trình đã phát hành trước đây), trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AFDB, EIB và EBRD, Trái phiếu chính quyền địa phương | 3 | - | - |
| III. Trái phiếu Tổ chức tín dụng | | | - | - |
| 6 | Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi | 3 | - | - |
| | Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi | 8 | - | - |
| | Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi | 10 | - | - |
| | Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi | 15 | - | - |
| IV. Trái phiếu Doanh nghiệp | | | - | - |
| 7 | Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết | | | |
| | Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi | 8 | - | - |
| | Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi | 10 | - | - |
| | Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 3 đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi | 15 | - | - |
| | Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi | 20 | - | - |

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

| A. RỦI RO THỊ TRƯỜNG | | | | |
|-----------------------------|--|---------------------|-------------------|-------------------|
| Các hạng mục đầu tư | | Hệ số rủi ro (%) | Quy mô rủi ro | Giá trị rủi ro |
| | | (1) | (2) | (3) = (1) x (2) |
| 8 | Trái phiếu doanh nghiệp không niêm yết | | | |
| | Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi | 15 | - | - |
| | Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi | 20 | - | - |
| | Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi | 25 | - | - |
| | Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi | 30 | - | - |
| | Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi | 25 | - | - |
| | Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi | 30 | - | - |
| | Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi | 35 | - | - |
| | Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi | 40 | - | - |
| V. Cổ phiếu | | | 81.993.744 | 12.168.044 |
| 9 | Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh; Chứng chỉ quỹ mở | 10 | 7.848.180 | 784.818 |
| 10 | Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội | 15 | 68.917.729 | 10.337.659 |
| 11 | Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom | 20 | 5.227.835 | 1.045.567 |
| 12 | Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO) | 30 | - | - |

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

| A. RỦI RO THỊ TRƯỜNG | | | | |
|--|--|---------------------|-----------------------|-----------------------|
| Các hạng mục đầu tư | | Hệ số rủi ro (%) | Quy mô rủi ro | Giá trị rủi ro |
| | | (1) | (2) | (3) = (1) x (2) |
| 13 | Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác | 50 | - | - |
| VI. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán | | | - | - |
| 14 | Quỹ đại chúng, bao gồm cả công ty đầu tư chứng khoán đại chúng | 10 | - | - |
| 15 | Quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ | 30 | - | - |
| VII. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch | | | 750.000 | 600.000 |
| 16 | Chứng khoán công ty đại chúng chưa niêm yết bị nhắc nhở do chậm công bố thông tin báo cáo tài chính kiểm toán/soát xét theo quy định | 30 | - | - |
| 17 | Chứng khoán niêm yết bị cảnh báo | 20 | - | - |
| 18 | Chứng khoán niêm yết bị kiểm soát | 25 | - | - |
| 19 | Chứng khoán bị tạm ngừng, hạn chế giao dịch | 40 | - | - |
| 20 | Chứng khoán bị huỷ niêm yết, huỷ giao dịch | 80 | 750.000 | 600.000 |
| VIII. Chứng khoán phái sinh | | | - | - |
| 21 | Hợp đồng tương lai chỉ số cổ phiếu | 8 | - | - |
| 22 | Hợp đồng tương lai trái phiếu chính phủ | 3 | - | - |
| IX. Chứng khoán khác | | | 14.566.500.000 | 11.653.200.000 |
| 23 | Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài thuộc chỉ số đạt chuẩn | 25 | - | - |
| 24 | Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài không thuộc các chỉ số đạt chuẩn | 100 | - | - |
| 25 | Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh | 8 | - | - |
| 26 | Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội | 10 | - | - |
| 27 | Cổ phiếu, trái phiếu của công ty chưa đại chúng phát hành không có báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất đến thời điểm lập báo cáo hoặc có báo cáo tài chính kiểm toán nhưng có ý kiến kiểm toán là trái ngược, từ chối đưa ra ý kiến hoặc ý kiến không chấp thuận toàn phần. | 100 | - | - |

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

| A. RỦI RO THỊ TRƯỜNG | | | | |
|--|---|---------------------|-----------------------|-----------------------|
| Các hạng mục đầu tư | | Hệ số rủi ro (%) | Quy mô rủi ro | Giá trị rủi ro |
| | | (1) | (2) | (3) = (1) x (2) |
| 28 | Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác | 80 | 14.566.500.000 | 11.653.200.000 |
| 29 | Chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán phát hành | | - | - |
| 30 | Chứng khoán hình thành từ hoạt động phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán đã phát hành (trường hợp chứng quyền có bảo đảm không có lãi) | | - | - |
| 31 | Phần chênh lệch dương giữa giá trị chứng khoán cơ sở dùng để phòng ngừa rủi ro và giá trị chứng khoán cơ sở cần thiết để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm | | - | - |
| X. Rủi ro tăng thêm (nếu có) (được xác định trên cơ sở vốn chủ sở hữu đã trích lập đầy đủ các khoản dự phòng) | | | 14.150.000.000 | 2.264.000.000 |
| | Mã chứng khoán | Mức tăng thêm | Quy mô rủi ro | Giá trị rủi ro |
| 1 | Công ty Cổ phần Du lịch Huế | 20% | 14.150.000.000 | 2.264.000.000 |
| (A) TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (A = I + II+ III+IV+ V+VI+VII+VIII+IX+X) | | | | 13.929.968.044 |

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO**B. RỦI RO THANH TOÁN****I. Rủi ro trước thời hạn thanh toán**

| HỆ SỐ RỦI RO (%) | | Giá trị rủi ro | | | | | Tổng giá trị rủi ro | |
|---|---|----------------|---------------|----------------|------|-----|------------------------|----------------|
| | | 0% | 0,8% | 3,2% | 4,8% | 6% | | 8% |
| Loại hình giao dịch | | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | |
| 1 | Tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi, các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm, các khoản phải thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán và các khoản mục tiềm ẩn rủi ro thanh toán khác | | | | | - | 155.320 | 155.320 |
| 2 | Cho vay tài sản tài chính/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất | | | | | | | - |
| 3 | Vay tài sản tài chính/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất | | | | | | | - |
| 4 | Hợp đồng mua tài sản tài chính có cam kết bán lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất | | | | | | | - |
| 5 | Hợp đồng bán tài sản tài chính có cam kết mua lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất | | | | | | | - |
| Cộng | | | | | | | | 155.320 |
| II. Rủi ro quá thời hạn thanh toán | | | | | | | | |
| Thời gian quá hạn | | Hệ số rủi ro | Quy mô rủi ro | Giá trị rủi ro | | | | |
| 1 | 0 -15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán | 16% | | | | | | |
| 2 | 16 -30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán | 32% | | | | | | |

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

| | | | | |
|---|---|----------------------|----------------------|-----------------------|
| 3 | 31-60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán | 48% | | |
| 4 | Trên 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán | 100% | | - |
| | Cộng | | | - |
| III. Rủi ro từ các khoản tạm ứng, hợp đồng, giao dịch khác | | | | |
| Thời gian quá hạn | | Hệ số rủi ro | Quy mô rủi ro | Giá trị rủi ro |
| 1 | Các hợp đồng, giao dịch, các khoản sử dụng vốn ngoài các giao dịch, hợp đồng được ghi nhận ở các điểm a, b, c, d, đ, e, g khoản 1 Điều 10 Thông tư 91/2020/TT-BTC; Các khoản phải thu từ mua bán nợ với đối tác giao dịch không phải Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC), Công ty trách nhiệm hữu hạn mua bán nợ Việt Nam (DATC) (Chi tiết từng đối tượng). Khoản tạm ứng chiếm trên 5% vốn chủ sở hữu có thời gian hoàn ứng còn lại dưới 90 ngày (Chi tiết từng đối tượng). | 100% | | |
| | Cộng | | | - |
| III. Rủi ro tăng thêm | | | | |
| STT | Chi tiết tới từng đối tác | Mức tăng thêm | Quy mô rủi ro | Giá trị rủi ro |
| 1 | Công ty Cổ phần Bất động sản Nam Hà Nội | 10% | 8.566.972.000 | 68.535.776 |
| | Cộng | | 8.566.972.000 | 68.535.776 |
| (B) TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (B= I+II+III) | | | | 68.691.096 |

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

| C. RỦI RO HOẠT ĐỘNG (TÍNH TRONG VÒNG 12 THÁNG) | | Giá trị |
|--|--|-----------------------|
| I. | Tổng Chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng tính tới tháng 06 năm 2022 | 2.529.967.327 |
| II. | Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí | (103.798.050) |
| | 1. Chi phí khấu hao | 53.858.334 |
| | 2. Chi phí/hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp | - |
| | 3. Chi phí/hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính dài hạn | (405.850.224) |
| | 4. Chi phí/hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu | 198.105.524 |
| | 5. Chi phí/hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác | - |
| | 6. Chi phí chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ | 50.088.316 |
| | 7. Chi phí lãi vay | - |
| III. | Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I - II) | 2.633.765.377 |
| IV. | 25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV = 25% III) | 658.441.344 |
| V. | 20% Vốn điều lệ tối thiểu cho các nghiệp vụ kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật. | 7.000.000.000 |
| (C) TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C=Max{IV,V}) | | 7.000.000.000 |
| (D) TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO (A+B+C) | | 20.998.659.141 |

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

III. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG

| Stt | Các chỉ tiêu | Giá trị rủi ro vốn khả dụng | Ghi chú (nếu có) |
|-----|------------------------------------|--------------------------------|------------------|
| 1 | Tổng giá trị rủi ro thị trường | 13.929.968.044 | |
| 2 | Tổng giá trị rủi ro thanh toán | 68.691.096 | |
| 3 | Tổng giá trị rủi ro hoạt động | 7.000.000.000 | |
| 4 | Tổng giá trị rủi ro (4= 1+2+3) | 20.998.659.140 | |
| 5 | Vốn khả dụng | 51.267.916.689 | |
| 6 | Tỷ lệ an toàn Vốn khả dụng (6=5/4) | 244,15% | |

Phan Việt Hà
Kế toán trưởng
Ngày 12 tháng 08 năm 2022

Nguyễn Thu Hương
Trưởng bộ phận Kiểm soát nội bộ



Ronald Nguyễn Anh Đạt
Chủ tịch Hội đồng Quản trị